

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ BUÔN HỒ  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **48/2020/HS-ST**  
Ngày 20-11-2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Cao Anh Tuấn

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đoàn Văn Dũng

2. Bà Hoàng Thị Hồng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thế Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ tham gia phiên tòa:** Ông Hoàng Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2020/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Trần Phú S** (Tên gọi khác: M), sinh ngày 26/9/1992, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố A, phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; giới tính: nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Trần Viết T, sinh năm 1965 và bà Bùi Thị T1, sinh năm 1968; tiền sự: 01 tiền sự tại Quyết định số 04 ngày 01/6/2020 bị Ủy ban nhân dân phường B xử lý hành chính bằng biện pháp giáo dục tại phường trong thời hạn 4,5 tháng;

Tiền án: Không.

Bị cáo Trần Phú S bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/8/2020 đến ngày 23/9/2020 tại tổ dân phố A, phường B, thị xã B. Do không chấp hành theo giấy triệu tập của Cơ quan điều tra và có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy nên ngày 24/9/2020 bị thay đổi biện pháp ngăn chặn, bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/9/2020. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Họ và tên: **Bùi Thế C** (Tên gọi khác: B), sinh ngày 20/4/1994, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk

Lắc; Quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Làm nông; giới tính: nam; tôn giáo: không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; con ông Bùi Minh T2, sinh năm 1971 (đã chết) và bà Phạm Thị Mỹ D, sinh năm 1973; Vợ Nguyễn Thị Hoài V, sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo Bùi Thế C bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 17/10/2020. (Có mặt tại phiên tòa).

**- Bị hại:** Ông Trần Văn H; trú tại: Tổ dân phố A, phường B, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn xét xử vắng mặt)

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Ngô Kim T3; trú tại: Tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt không có lý do)

2. Ông Nguyễn Sĩ B; trú tại: Tổ dân phố G, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt không có lý do)

3. Ông Bùi Quang H; trú tại: Tổ dân phố H, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt không có lý do)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Phú S, sinh năm 1992 trú tại tổ dân phố A, (TDP) phường B, thị xã B và Bùi Thế C, sinh năm 1994, trú tại TDP X, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk là anh em họ với nhau. Sáng ngày 04/6/2020 C đến nhà S chơi. Trong lúc nói chuyện với C, S quan sát thấy nhà anh Trần Văn H, sinh năm 1985 ở cùng TDP sát nhà S không có người ở nhà nên S rủ C đột nhập vào nhà anh H trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài và trả nợ thì C đồng ý. Sau đó C đứng canh giới, còn S trèo qua tường rào đột nhập vào mở cửa bên hông nhà đi đến phòng khách S phát hiện 01 chiếc Ti vi nhãn hiệu SONY, 40 inch, màu đen để trên kệ tủ S đi đến rút dây cáp truyền hình lấy trộm đi ra phía cửa hông rồi đưa cho C, sau đó S đi vào đóng cửa lại và trèo qua hàng rào đi về nhà. Khoảng 30 phút sau S lấy xe mô tô biển số 47C1-22503 của gia đình chở C ngồi sau ôm tivi đến tiệm điện tử M, ở tại TDP Đ, phường Đ, thị xã B do anh Ngô Kim T3 sinh năm 1975 làm chủ bán chiếc tivi với giá 1300.000đ, số tiền này S đưa hết cho C giữ tiêu xài, sau đó chở C về nhà còn S điều khiển xe mô tô đi về nhà mình.

Tiếp đó khoảng 11 giờ ngày 08/07/2020, trong lúc đang ở nhà một mình S phát hiện nhà anh Trần Văn H không có người trông coi nên, S tiếp tục một mình trèo qua hàng rào rồi mở cửa hông đột nhập vào nhà tìm tài sản để trộm cắp, S đi đến phòng ngủ thấy cửa bị khóa, lúc này S phát hiện có chiếc dũa móng tay của nhà anh H để trên tủ phía trước cửa phòng ngủ S đến lấy rồi chọc vào phần chốt khóa cửa thì cửa phòng ngủ mở ra, S đi vào bên trong phát hiện 01 chiếc Ti vi nhãn hiệu SHARP, 24 inch, màu đen

treo trên tường, S dùng tay vặn các con ốc vít ra rồi lấy trộm đi về nhà theo đường đã đột nhập trước đó. Sau đó S mang chiếc Ti vi đến bán cho anh Nguyễn Sĩ B, sinh năm 1983, trú tại TDP G, phường A, thị xã B. (Trước khi mua anh B có hỏi tivi đâu mà bán thì S trả lời của nhà không sử dụng nên bán) vì vậy anh B đồng ý mua với giá 500.000đ. Khoảng 12 giờ cùng ngày anh B đi qua nhà chị Nguyễn Thị Thanh H ở cùng TDP mua đồ dùng cá nhân và hỏi chị H “có mua tivi SHARP, 24 inch giá khoảng từ 600.000đ đến 700.000 đồng không”, thời điểm này có anh Bùi Quang H, sinh năm 1984, trú tại TDP X, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk đang ăn cơm tại nhà chị H, nghe nói vậy thì anh H nói 600.000 hay 700.000”, anh B nói 600.000 đồng, anh H đồng ý mua và trả tiền cho anh B.

Bản kết luận định giá tài sản số 24 và 25/HĐĐG cùng ngày 21/07/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân thị xã B kết luận: 01 chiếc Ti vi nhãn hiệu SONY, kích thước 40 inch, màu đen có giá trị 3.950.000 đồng (*Ba triệu, chín trăm năm mươi nghìn đồng*) và 01 chiếc Ti vi nhãn hiệu SHARP, kích thước 24inch, màu đen có giá trị 1.440.000 đồng (*Một triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng*).

Vật chứng vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B thu giữ gồm: 01 Ti vi nhãn hiệu SONY, 40 inch, màu đen và 01 Ti vi nhãn hiệu SHARP, 24 inch, màu đen. Hiện nay Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã trả lại cho ông Trần Văn H là chủ sở hữu hợp pháp.

Bản cáo trạng số 46/CT-VKSBH ngày 27/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã B truy tố các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng và khẳng định hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Phú S từ 06 đến 09 tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Bùi Thế C 06 đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo.

Về vật chứng: Đề nghị HĐXX chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã ra quyết định xử lý vật chứng giao trả lại 01 Tivi nhãn hiệu SONY, 40 inch, màu đen và 01 Tivi nhãn hiệu SHARP, 24 inch, màu đen cho ông Trần Văn H là chủ sở hữu hợp pháp.

- Về bồi thường thiệt hại: Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Ngô Kim T3 số tiền 1.300.000 đồng là tiền ông T3 mua chiếc tivi nhãn hiệu SONY, 40 inch, màu đen của các bị cáo.

Truy thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 500.000 đồng là tiền bị cáo S có được khi phạm tội.

Bị hại ông Trần Văn H không yêu cầu bồi thường gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Phú S, Bùi Thế C khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với hành vi mà nội dung bản cáo trạng Viện kiểm sát truy tố. Các bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát truy tố và kết luận các bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” là đúng, các bị cáo không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát.

Trong phần nói lời sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Trần Phú S và Bùi Thế C khai nhận: Vào ngày 04/6/2020 C với S quan sát thấy nhà anh Trần Văn H không có người ở nhà nên S đã rủ C đột nhập vào nhà anh H trộm cắp tài sản, C đứng canh giới, S trèo vào nhà anh H lấy 01 chiếc tivi hiệu Sony, 40 inch, màu đen có giá trị 3.950.000 đồng. Tiếp đó vào ngày 08/7/2020, lợi dụng nhà anh Trần Văn H không có người ở nhà nên một mình S tiếp tục có hành vi lén lút vào nhà anh H lấy 01 tivi nhãn hiệu Sharp, 24 inch, màu đen có giá trị 1.440.000 đồng. Viện kiểm sát nhân dân thị xã B truy tố và

kết luận các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản là phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Bị cáo là người có khả năng nhận thức, điều khiển hành vi của bản thân. Bị cáo biết được tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp của người khác đều bị pháp luật hình sự trừng trị, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài nên các bị cáo S, C đã chiếm đoạt của anh H giá trị tài sản là 3.950.000 đồng; bị cáo S chiếm đoạt của anh H giá trị tài sản là 5.350.000 đồng. Do đó hành vi của các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

**Tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:**

*“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.”*

[3] Xét tính chất của vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo trực tiếp xâm phạm đến tài sản của bị hại, xâm phạm đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Vì vậy, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự của mình gây ra.

Trong vụ án này các bị cáo thực hiện hành vi với vai trò đồng phạm nên cần xem xét đến tính chất và mức độ tham gia phạm tội để quyết định hình phạt đối với từng bị cáo.

Đối với bị cáo Trần Phú S là người chủ mưu, khởi xướng rủ rê lôi kéo bị cáo C thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo S cũng là người thực hành tích cực nhất, bị cáo là người trực tiếp trèo qua tường đột nhập vào nhà anh H để lấy tài sản. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì muốn có tiền tiêu sài và trả nợ nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Ngoài ra bị cáo còn có 01 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy và được UBND phường B xử lý hành chính giáo dục tại phường trong thời gian 4,5 tháng, ngoài ra bị cáo có nhân thân xấu đến ngày 04/9/2020 bị cáo Trần Phú S lại bị Tòa án nhân dân thị xã B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 18 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy cần xét xử với mức hình phạt cao hơn so với bị cáo C là phù hợp.

Đối với bị cáo Bùi Thế C là người giúp sức cho bị cáo S thực hiện hành vi phạm tội. Khi bị cáo C được bị cáo S rủ rê, lôi kéo thực hiện thành vi phạm tội lẽ ra bị cáo C phải can ngăn, nhưng vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên đã đồng ý cùng bị cáo S thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo đã có hành vi giúp sức là đứng canh cửa cho bị cáo

S vào nhà anh H lấy tài sản có giá trị 3.950.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo C có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, tham gia phạm tội với vai trò thứ yếu nên cần xét xử mức hình phạt thấp hơn so với bị cáo S là phù hợp.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, hành vi của bị cáo gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, được bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Vì vậy các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Xét về tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với bị cáo Trần Phú S với vai trò chủ mưu, cầm đầu nên cần phải cách ly bị cáo một thời gian mới có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung. Đối với bị cáo Bùi Thế C có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã được thu hồi và trả lại cho bị hại, được bị hại làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng điều 65 Bộ luật hình sự.

[7] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã B đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo phạm tội trộm cắp tài sản, đề nghị hình phạt được áp dụng đối với các bị cáo, về bồi thường thiệt hại, về xử lý vật chứng là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với anh Ngô Kim T3, anh Nguyễn Sĩ B và anh Bùi Quang H là người mua tài sản do các bị cáo Trần Phú S và Bùi Thế C phạm tội mà có. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định cả ba người đều không biết số tài sản này là do phạm tội mà có. Do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B, không xử lý là có căn cứ.

#### **[8] Về bồi thường thiệt hại:**

Tại phiên tòa các bị cáo đều đồng ý có trách nhiệm liên đới trả cho ông Ngô Kim T3 số tiền 1.300.000 đồng, do đó HĐXX buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới trả lại cho ông Ngô Kim T3 số tiền 1.300.000 đồng, (cụ thể: bị cáo Trần Phú S bồi thường 650.000 đồng, bị cáo Bùi Thế C bồi thường 650.000 đồng) là tiền ông T3 mua chiếc ti vi nhãn hiệu SONY, 40 inch, màu đen của các bị cáo.

Bị hại ông Trần Văn H không yêu cầu bồi thường gì nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[9] Về xử lý vật chứng:** Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã B đã ra quyết định xử lý vật chứng giao trả lại 01 Tivi nhãn hiệu SONY, 40 inch, màu đen và 01 Tivi nhãn hiệu SHARP, 24 inch, màu đen cho ông Trần Văn H là chủ sở hữu hợp pháp. Xét việc giao trả là phù hợp với khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Truy thu nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 500.000 đồng là tiền bị cáo S có được khi phạm tội.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 47C1-22503 mà các bị cáo sử dụng làm phương tiện đi bán tivi trộm cắp tại nhà anh H. Quá trình điều tra xác định đây là xe mô tô của bà Trần Thị Thùy D (mẹ của S), việc các bị cáo sử dụng để đi bán tivi trộm cắp bà D không biết, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thu giữ, xử lý là có căn cứ pháp luật.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự, dân sự theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Các bị cáo **TRẦN PHÚ S (M) và BÙI THẾ C (B)** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

#### **[1] Về điều luật áp dụng và hình phạt:**

*- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.*

Xử phạt bị cáo Trần Phú S **08 (tám) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 27/9/2020.

*- Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1, khoản 2, khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự.*

Xử phạt bị cáo Bùi Thế C **06 (sáu) tháng tù**, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 20/11/2020). Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk để giám sát, giáo dục. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

**[2] Về bồi thường thiệt hại:** *Áp dụng vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự và các Điều 584, Điều 585, Điều 587, Điều 589 Bộ luật Dân sự.*

Chấp nhận bị cáo Trần Phú S và Bùi Thế C phải liên đới bồi thường cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Ngô Kim T3 số tiền 1.300.000 đồng. Cụ thể, bị cáo Trần Phú S bồi thường 650.000 đồng, bị cáo Bùi Thế C bồi thường 650.000 đồng.

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.*

**[3] Về xử lý vật chứng:** *Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;*

Trả lại 01 Tivi nhãn hiệu SONY, 40 inch, màu đen và 01 Tivi nhãn hiệu SHARP, 24 inch, màu đen cho ông Trần Văn H là chủ sở hữu hợp pháp.

Truy thu, nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 500.000 đồng là tiền bị cáo S có được do phạm tội mà có.

**[4] Về án phí:** *Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

Các bị cáo Trần Phú S và Bùi Thế C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

**- Quyền kháng cáo:** Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.



*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì được người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tối cao;
- TAND, VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Công an thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THADS thị xã Buôn Hồ;
- Bị cáo; đương sự liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Cao Anh Tuấn**